



PHỤ LỤC

ATTACHMENT

(Kèm theo quyết định số: /QĐ - VPCNCL ngày tháng 07 năm 2023
của giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng)

Tên phòng xét nghiệm: **Khoa Đông máu**
Medical Testing Laboratory **Department of Blood Coagulation**
Cơ quan chủ quản: **Viện Huyết học – Truyền máu Trung Ương**
Organization: **National Institute of Hematology and Blood transfusion**
Lĩnh vực xét nghiệm: **Huyết học**
Field of medical testing: **Hematology**
Người phụ trách/ *Representative:* **Trần Thị Kiều My**
Người có thẩm quyền ký/ *Approved signatory:*

TT	Họ và tên/ <i>Name</i>	Phạm vi được ký/ <i>Scope</i>
1.	Trần Thị Kiều My	Các xét nghiệm được công nhận/ <i>Accredited medical tests</i>
2.	Đào Thị Thiết	
3.	Nguyễn Thị Thanh Hương	
4.	Trần Thị Thúy	
5.	Vũ Đức Quang	
6.	Hoàng Phi Long	

Số hiệu/ *Code:* **VILAS MED 126**

Hiệu lực/ *Validation:* **3 năm kể từ ngày ký**

Địa chỉ/ *Address:* **Phòng 226, tầng 2, nhà H, Đường Phạm Văn Bạch - Phường Yên Hòa - Quận Cầu Giấy – Tp Hà Nội**

Địa điểm/ *Location:* **Phòng 226, tầng 2, nhà H, Đường Phạm Văn Bạch - Phường Yên Hòa - Quận Cầu Giấy – Tp Hà Nội**

Điện thoại/ *Tel:* **(024) 37821892 (525)**

Fax: **(84.4) 38685582**

E-mail: **Coagnihbvtvn@gmail.com**

Website: **www.nihbt.org.vn**

DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS

VILAS Med 126

Lĩnh vực xét nghiệm: **Huyết học**

Discipline of medical testing: Hematology

STT No.	Loại mẫu (chất chống đông- nếu có) <i>Type of sample (anticoagulant-if any)</i>	Tên các chỉ tiêu xét nghiệm cụ thể <i>(The name of medical tests)</i>	Kỹ thuật xét nghiệm <i>(Technical test)</i>	Phương pháp xét nghiệm <i>(Test method)</i>
1.	Máu toàn phần (Citrat Natri 3.2% hoặc 3.8%) Whole blood (Citrat Natri 3.2% or 3.8%)	Xét nghiệm thời gian prothrombin (PT) <i>Prothrombin Time test</i>	Phát hiện điểm đông Phương pháp quang học <i>Photo-optical clot detection method</i>	QT.ĐM.03 (ACL TOP 750 LAS)
2.			Phát hiện điểm đông Phương pháp cơ từ <i>Mechanical clot detection method</i>	QT.ĐM.56 (STA-R MAX)
3.		Xét nghiệm thời gian thromboplastin từng phần hoạt hóa (APTT) <i>Activated Partial Thromboplastin Time test</i>	Phát hiện điểm đông Phương pháp quang học <i>Photo-optical clot detection method</i>	QT.ĐM.05 (ACL TOP 750 LAS)
4.			Phát hiện điểm đông Phương pháp cơ từ <i>Mechanical clot detection method</i>	QT.ĐM.54 (STA-R MAX)
5.		Xét nghiệm định lượng Fibrinogen <i>Fibrinogen Assay test</i>	Phát hiện điểm đông hương pháp quang học <i>Photo-optical clot detection method</i>	QT.ĐM.38 (ACL TOP 750 LAS)
6.			Phát hiện điểm đông Phương pháp cơ từ <i>Mechanical clot detection method</i>	QT.ĐM.57 (STA-R MAX)
7.		Xét nghiệm thời gian thrombin (TT) <i>Thrombin Time test</i>	Phát hiện điểm đông Phương pháp quang học <i>Photo-optical clot detection method</i>	QT.ĐM.39 (ACL TOP 750 LAS)
8.			Phát hiện điểm đông Phương pháp cơ từ <i>Mechanical clot detection method</i>	QT.ĐM.58 (STA-R MAX)

Ghi chú/ Note: QT.ĐM.QTXN.HH: Phương pháp do PXN xây dựng/ *Laboratory' development method*

